

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/DS-ST
Ngày: 13/8/2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hồng
Bà Trần Thị Bạch Đằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng NN.

Địa chỉ trụ sở chính: Số B, L, phường G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn L, sinh ngày 17/07/1979. Số căn cước công dân: 0940..... cấp ngày ... (Có mặt)

Địa chỉ liên hệ: Số Y, đường M Khóm A, Phường N, thành phố Cần Thơ. Là người đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền lập ngày 13/8/2025.

- Bị đơn: Ông Lê T, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm D, Phường N, thành phố Cần Thơ.

Số chứng minh nhân dân: cấp ngày

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 12/5/2025 và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn ông Nguyễn L trình bày:

Ông Lê T có vay vốn tại Ngân hàng NN Chi nhánh thị xã N, S từ năm 2022 đến nay. Gồm các khoản vay như sau:

Khoản vay thứ nhất: Hợp đồng tín dụng số 7609-LAV-202201818 ngày 27/12/2022 được ký giữa ngân hàng NN và ông Lê T có nội dung thỏa thuận: Hạn mức cho vay 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng); thời hạn vay 12

tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng tín dụng. Thời hạn trả nợ theo phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ hạn trả nợ; mục đích sử dụng vốn vay: mua sắm vật dụng sinh hoạt. Đối với khoản vay này ông T đã đến hạn trả vốn gốc và lãi. Ông T vẫn chưa trả cho ngân hàng. Ông T còn nợ Ngân hàng tính đến ngày xét xử hôm nay (ngày 13/8/2025) số tiền tổng cộng là 117.961.644 đồng gồm nợ vốn gốc là 90.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 21.326.301 đồng và nợ lãi quá hạn là 6.635.342 đồng. Đối với hợp đồng này ông T có cầm cố tài sản có giá là Trái phiếu cho ngân hàng đảm bảo khoản vay nhưng ngân hàng không có yêu cầu về xử lý tài sản bảo đảm, ngân hàng sẽ tự xử lý tài sản bảo đảm.

Khoản vay thứ hai: Hợp đồng thấu chi số 7609-LAV-202300283 ngày 15/3/2023 được ký giữa ngân hàng NN và ông Lê T có nội dung thỏa thuận: Hạn mức thấu chi 300.000.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng tín dụng; Mục đích sử dụng vốn vay thấu chi qua tài khoản. Khoản vay này cũng đến hạn mà ông T không thanh toán nợ cho ngân hàng NN. Ông T còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 31/7/2025 tổng cộng là 297.341.870 đồng gồm nợ vốn gốc là 246.464.122 đồng và nợ lãi là 50.877.748 đồng.

Khoản vay thứ ba: Hợp đồng tín dụng số 7609-LAV-202301059 ngày 30/6/2023 được ký giữa ngân hàng NN và ông Lê T có nội dung thỏa thuận: Hạn mức cho vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); Thời hạn cho vay: 180 tháng kể từ ngày ký 03/7/2023; mục đích sử dụng vốn vay: mua sắm vật dụng sinh hoạt. Định kỳ trả nợ vào ngày 20 hàng tháng, một tháng trả số tiền nợ gốc là 1.200.000 đồng; ông T đã ngưng thanh toán kể từ ngày 04/11/2023 đến nay đã vi phạm hợp đồng. Ông T còn nợ Ngân hàng tính đến ngày xét xử hôm nay (ngày 13/8/2025) tổng cộng là 229.181.984 đồng gồm nợ vốn gốc là 195.200.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 32.982.688 đồng và nợ lãi quá hạn là 999.296 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp cho Ngân hàng NN - ông Nguyễn L yêu cầu ông Lê T phải trả cho Ngân hàng NN các khoản tiền cụ thể như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 7609-LAV-202201818 ngày 27/12/2022 phải trả tổng cộng là 117.961.644 đồng gồm nợ vốn gốc là 90.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 21.326.301 đồng và nợ lãi quá hạn là 6.635.342 đồng. Và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đã thỏa thuận từ ngày 14/8/2025 đến khi ông T thanh toán xong.

+ Hợp đồng thấu chi số 7609-LAV-202300283 ngày 15/3/2023 phải trả tổng cộng tạm tính đến ngày 31/7/2025 là 297.341.870 đồng gồm nợ vốn gốc là 246.464.122 đồng và nợ lãi là 50.877.748 đồng. Và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đã thỏa thuận từ ngày 01/8/2025 đến khi ông T thanh toán xong.

+ Hợp đồng tín dụng số 7609-LAV-202301059 ngày 30/6/2023 phải trả tiền tạm tính đến ngày xét xử 13/8/2023 tổng cộng là 229.181.984 đồng gồm nợ vốn gốc là 195.200.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 32.982.688 đồng và nợ lãi quá

hạn là 999.296 đồng. Và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đã thỏa thuận từ ngày 14/8/2025 đến khi ông T thanh toán xong.

2/ Bị đơn ông Lê T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không có ý kiến trình bày cũng không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Lê T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê T.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng NN thấy rằng:

[2.1] Theo hợp đồng tín dụng số 7609-LAV-202201818 ngày 27/12/2022 và phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ trả nợ ngày 27/12/2022 thể hiện ông Lê T có vay của ngân hàng NN số tiền 90.000.000 đồng. Thỏa thuận hợp đồng ngày 25/12/2023 trả gốc và lãi cuối kỳ. Lãi suất cho vay: 09%/năm hoặc lãi suất ghi trên từng báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ (nếu có); Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Khi đến thời hạn trả tiền vốn gốc và lãi suất ngày 25/12/2023 thì ông Trường chưa thực hiện trả vốn và lãi cho ngân hàng NN là vi phạm tại điểm c khoản 2 Điều 7 của Hợp đồng. Do đó, ngân hàng NN khởi kiện yêu cầu ông T phải trả nợ cho ngân hàng NN tạm tính đến ngày xét xử 13/8/2023 tổng cộng là 117.961.644 đồng gồm số tiền 90.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 21.326.301 đồng và nợ lãi quá hạn là 6.635.342 đồng. Và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đã thỏa thuận từ ngày 14/8/2025 đến khi ông T thanh toán xong là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, Điều 95 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung cho nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Theo hợp đồng thấu chi số 7609-LAV-202300283 ngày 15/3/2023 thể hiện giữa ông T và ngân hàng NN thỏa thuận ngân hàng NN cấp hạn mức thấu chi cho ông T là 300.000.000 đồng. Thời hạn thấu chi 12 tháng kể từ ngày 15/3/2023, lãi suất cấp thấu chi 7,7%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Khi hết thời hạn thấu chi đã thỏa thuận ngày 15/3/2024 thì ông T không thực hiện thanh toán đầy đủ toàn bộ dư nợ thấu chi đã sử dụng là vi phạm tại điểm b khoản 2 Điều 5 của Hợp đồng. Do đó, ngân hàng NN khởi kiện yêu cầu ông T phải trả nợ thấu chi cho ngân hàng NN tổng cộng tạm tính đến ngày 31/7/2025 là 297.341.870 đồng gồm nợ vốn gốc là 246.464.122 đồng và nợ lãi là 50.877.748 đồng; Và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đã thỏa thuận từ ngày 01/8/2025 đến khi ông T thanh toán xong là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, Điều 95 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung cho nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Theo Hợp đồng tín dụng số 7609-LAV-202301059 ngày 30/6/2023 và phụ lục hợp đồng nhận tiền vay và định kỳ trả nợ ngày 03/7/2023 thể hiện ông Lê T có vay của ngân hàng NN số tiền 200.000.000 đồng. Thỏa thuận hợp đồng trả gốc và lãi vào ngày 20 hàng tháng, số tiền gốc phải trả là 1.200.000 đồng. Lãi suất cho vay: Phương thức áp dụng lãi suất: Lãi suất điều chỉnh theo biến động lãi suất trên thị trường; mức lãi suất theo từng giấy nhận nợ; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả 10%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T chưa thực hiện trả vốn và lãi cho ngân hàng NN theo đúng thỏa thuận, ngày 04/11/2023 thì ông T đã ngưng thực hiện đóng trả vốn gốc và lãi cho ngân hàng NN là vi phạm tại điểm c khoản 2 Điều 7 của Hợp đồng. Do đó, ngân hàng NN khởi kiện yêu cầu ông T phải trả nợ cho ngân hàng NN tạm tính đến ngày xét xử 13/8/2023 tổng cộng là 229.181.984 đồng gồm nợ vốn gốc là 195.200.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 32.982.688 đồng và nợ lãi quá hạn là 999.296 đồng. Và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng đã thỏa thuận từ ngày 14/8/2025 đến khi ông T thanh toán xong là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, Điều 95 của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung cho nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên Ngân hàng NN không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.603.000 đồng theo biên lai thu số 0009888 ngày 30/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh S (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực R – C). Bị đơn ông T phải chịu án phí số tiền 29.779.420 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 266; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Áp dụng khoản 2 của Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NN về việc yêu cầu ông Lê T trả nợ vay.

Buộc ông Lê T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng NN tổng số tiền 644.485.498 đồng (Sáu trăm bốn mươi bốn triệu, bốn trăm tám mươi lăm nghìn, bốn

trăm chín mươi tám đồng). Trong đó tổng nợ gốc là 531.664.122 đồng và tổng nợ lãi là 112.821.376 đồng.

Kể từ ngày 14/8/2025 ông Lê T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 7609-LAV-202201818 ngày 27/12/2022; Hợp đồng tín dụng số 7609-LAV-202301059 ngày 30/6/2023; Riêng Hợp đồng thấu chi số 7609-LAV-202300283 ngày 15/3/2023 tính từ ngày 01/8/2025 cho đến khi ông Lê T thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng NN.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng NN số tiền 14.603.000 đồng (Mười bốn triệu, sáu trăm lẻ ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009888 ngày 30/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh S (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực R – C).

Ông Lê T phải chịu án phí số tiền 29.779.420 đồng (Hai mươi chín triệu, bảy trăm bảy mươi chín nghìn, bốn trăm hai mươi đồng).

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

4/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực R – C;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng